

Điểm		Nhận xét của giáo viên
Đọc tiếng:...	
Đọc hiểu:...	

I. KIỂM TRA ĐỌC THÀNH TIẾNG (4 điểm) GV kiểm tra từng học sinh trong các tiết kiểm tra đọc theo hướng dẫn KTĐK cuối Học kì II môn Tiếng Việt Lớp 2.

II. KIỂM TRA ĐỌC HIỂU (6 điểm) (Thời gian làm bài: 30 phút)

Đọc thầm bài văn sau:

Món quà hạnh phúc

Trong khu rừng kia có những chú thỏ con với cặp mắt hồng long lánh lánh như hai viên ngọc, đôi tai dài và cái đuôi cộc quây quần bên Thỏ Mẹ. Thỏ Mẹ làm việc quần quật suốt ngày để nuôi đàn con. Thấy mẹ vất vả, chúng rất yêu thương và vâng lời mẹ.

Những chú thỏ con bàn nhau làm một món quà tặng mẹ. Chúng sẽ cùng làm một chiếc khăn trải bàn trắng tinh, được tô điểm bằng những bông hoa đủ màu sắc. Góc khăn là dòng chữ “Kính chúc mẹ vui khỏe” được thêu nắn nót bằng sợi chỉ vàng.

Tết đến, những chú thỏ con đem tặng mẹ món quà. Thỏ Mẹ rất bất ngờ và cảm động khi nhận được món quà do chính tay các con bé bỏng làm tặng. Nó cảm thấy mình thật hạnh phúc, Thỏ Mẹ thấy những mệt nhọc, vất vả như bay biến mất.

Theo Chuyện của mùa hạ

***Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu bài tập dưới đây.**

1. (0,5 điểm) Những chú thỏ con có cặp mắt thế nào?

- A. Hồng long lánh lánh như hai viên ngọc.
- B. Hồng lung linh như ngọc.
- C. Đen lay láy.
- D. To và đen láy.

2. (0,5 điểm) Những từ ngữ nào nói lên sự vất vả của Thỏ Mẹ?

- A. Quây quần bên Thỏ Mẹ.
- B. Làm việc quần quật suốt ngày.
- C. Để nuôi đàn con.
- D. Thấy mẹ vất vả.

3. (1 điểm) Thấy mẹ vất vả, đàn con của Thỏ Mẹ sống với nhau thế nào?

- A. Rất yêu thương nhau nhưng chưa ngoan.

- B. Rất yêu thương nhau, đôi khi chưa vâng lời mẹ.
- C. Rất yêu thương nhau và vâng lời mẹ.
- D. Chia rẽ, mất đoàn kết.

4. (0,5 điểm) Tại sao khi những chú thỏ con đem tặng Thỏ Mẹ món quà thì Thỏ Mẹ lại rất bất ngờ và cảm động?

- A. Vì Thỏ Mẹ thấy các con quan tâm đến mẹ.
- B. Vì Thỏ Mẹ thấy các con rất yêu mẹ.
- C. Vì đó là món quà do chính tay các con bé bỏng làm tặng.
- D. Vì Thỏ Mẹ thấy các con của mình rất ngoan.

5. (1 điểm) Khi nhận món quà do chính các con bé bỏng làm tặng, Thỏ Mẹ cảm thấy thế nào?

- A. Thỏ Mẹ rất vui, thấy vất vả tan biến mất.
- B. Thỏ Mẹ cảm động, hết mệt nhọc.
- C. Thỏ Mẹ rất vui, sung sướng.
- D. Thỏ Mẹ cảm thấy hạnh phúc, thấy những mệt nhọc, vất vả như bay biến mất.

6. (0,5 điểm) Câu: “Chiếc khăn trải bàn trắng tinh, được tô điểm bằng những bông hoa đủ màu sắc.” thuộc kiểu câu nào đã học?

- A. Câu giới thiệu.
- B. Câu nêu đặc điểm.
- C. Câu nêu hoạt động.
- D. Không thuộc các kiểu câu trên.

7. (1 điểm) Hãy gạch 1 gạch dưới các từ chỉ hoạt động trong câu sau:

Thỏ Mẹ làm việc quần quật suốt ngày để nuôi đàn con.

8. (1 điểm) Hãy điền dấu câu thích hợp vào trong câu sau:

Mẹ khen em chăm ngoan học tập nhiều tiến bộ

Giáo viên coi thi
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giáo viên chấm lần 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giáo viên chấm lần 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ B

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II

Năm học 2021 - 2022

Môn: Tiếng Việt – Lớp 2

(Kiểm tra viết)

(Thời gian làm bài: 40 phút)

I. Viết (Nghe – viết) (4 điểm) -15 phút

Giáo viên đọc cho học sinh viết tên bài và đoạn văn sau:

Hoạ Mi hát

Mùa xuân! Mỗi khi Hoạ Mi tung ra những tiếng hát vang lừng, mọi vật như có sự thay đổi kì diệu!

Trời bỗng sáng thêm ra. Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới rục rỡ hơn. Những gợn sóng trên hồ hoà nhịp với tiếng Hoạ Mi hát, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh cao.

II. Viết đoạn văn (6 điểm) - 25 phút

Đề bài: Hãy viết đoạn văn (từ 4 đến 5 câu) giới thiệu về một đồ dùng học tập em yêu thích.

TRƯỜNG TIỂU HỌC ÁI MỘ B

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI NĂM

Năm học: 2021 - 2022

MÔN: TIẾNG VIỆT LỚP 2

A. KIỂM TRA ĐỌC

PHẦN I. Đọc thành tiếng (4 điểm)

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đạt yêu cầu (1 điểm)
- Đọc đúng tiếng, từ không sai quá 5 tiếng (1 điểm)
- Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa (1 điểm)
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đọc (1 điểm)

Phần II. Đọc hiểu (6 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	C	C	D	B
Điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	1 điểm	0,5 điểm	1 điểm	0,5 điểm

Câu 7. (1 điểm) HS gạch đúng mỗi từ được 0,5 điểm. HS gạch sai mỗi từ trừ 0,5 điểm.

Thỏ Mẹ làm việc quần quật suốt ngày để nuôi đàn con.

Câu 8. (1 điểm) HS điền đúng lần lượt mỗi ô trống: dấu phẩy, dấu chấm được 0,5 điểm.

Mẹ khen em chăm ngoan, học tập nhiều tiến bộ.

B. KIỂM TRA VIẾT

PHẦN I. Nghe - viết: (4 điểm)

- Viết đúng chính tả, viết sạch sẽ, đúng cỡ chữ.
- Sai 5 lỗi trừ 1 điểm (2 lỗi sai giống nhau trừ 1 lần điểm)

PHẦN II. Viết đoạn văn (6 điểm)

1. Nội dung: 4 điểm (Viết được đoạn văn 4 – 5 câu)

Học sinh viết được đoạn văn gồm các ý theo đúng yêu cầu, viết đúng về một đồ dùng học tập mà em yêu thích.

- Bài viết đủ số câu 0,5 điểm
- Có câu mở đầu, câu kết thúc đoạn 0,5 điểm
- Nêu được 1 số đặc điểm về đồ dùng: Màu sắc, hình dáng, kích thước,.. của đồ dùng học tập: 1 điểm
- Nêu được một số ích lợi của đồ dùng: 1 điểm
- Nêu được tình cảm của mình, điều em rất thích với đồ dùng học tập đó: 1 điểm

2. Kỹ năng: 2 điểm

- Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc quá 3 lỗi chính tả: 1 điểm
- Câu văn đủ ý có sự liên kết, dùng từ ngữ hình ảnh hay: 1 điểm

